TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ G** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **65**/2019/HS-ST
Ngày: 03- 5 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Thị Thùy Linh**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Cao Trọng Mãnh**

2. Bà Trần Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: **Bà Võ Thị Hồng Diễm**– Thư ký Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: **Ông Trần Ngọc Tú – Kiểm sát viên.**

Trong ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 50/2019/HS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn PhướcS, sinh năm 1994. Tại thành phố G, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Số 67 đường T, phường T1, thành phố G, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Thợ sửa xe; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1968, mẹ Nguyễn Thái L, sinh năm 1970; Em ruột có 01 người, sinh năm 1996; Vợ: Nguyễn Tuyết H, sinh năm 1990.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 17/02/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang xử phạt 05 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" tại bản án số 27 ngày 17/02/2014, đã chấp hành xong, chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/12/2018.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn C, sinh năm 1995. Tại huyện Đ, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Ấp L1, xã K, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hoàng D, sinh năm 1969, mẹ Võ Thị N, sinh năm 1971; Em ruột

có 01 người, sinh năm 2007; Vợ: Huỳnh Thị Thúy A, sinh năm 1991; Con chung có 01 người sinh ngày 02/01/2019; Tiền sự: Không; Tiền án: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/12/2018.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

1. Lê Văn X, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 82 đường T, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

2. Vũ Thị H, sinh năm 1961 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 82 đường T, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

3. Phan Long T1, sinh năm 1998 (Vắng mặt)

Địa chỉ: G6-23 đường L1, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

4. Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1996 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 39/15 đường T2, phường T, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

5. Nguyễn Trí N, sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 316/26/10 đường Q, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

6. Lê Văn B, sinh năm 1999 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T3, xã L2, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

7. Lê Như T3, sinh năm 2000 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 15 đường G, phường T, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Phước S và Lê Văn C là người nghiện ma túy. Nguồn ma túy S và C sử dụng là vào khoảng 22 giờ ngày 09/12/2018 Nguyễn PhướcS hùn 700.000 đồng cùng với Lê Văn C 300.000 đồng và Phan Long T, Lâm Tấn M mỗi người 1.000.000 đồng để mua ma túy về sử dụng chung. Sau khi có tiền Nguyễn Phước S gặp người tên Hậu B (Không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) tại khu vực cầu Nguyễn Văn Cừ, phường Vĩnh Hiệp, thành phố G mua 01 *(Một)* bịch ma túy (loại ma túy đá) với giá 3.000.000 đồng. Có ma túy S mang về nhà đến khoảng 7 giờ sáng ngày 10/12/2018, thì S đến phòng trọ số 201 nhà nghỉ Hoàng Phương Anh địa chỉ số 82 đường Tôn Thất Tùng, phường Vĩnh Lạc, thành phố G để gặp Lê Văn C sử dụng ma túy tại đây thì có Nguyễn Hữu Đ, Lê Như T, Lê Văn B. S để bịch ma túy trên giường rồi đi về. Đến 14 giờ cùng ngày, Nguyễn Phước S quy lại phòng số 201 thì vẫn gặp C, Đ, B và T; bịch ma túy đã được phân ra làm 03 *(Ba)* bịch nhỏ và 01 ít bỏ vào ống thủy tinh (dụng cụ sử dụng ma túy) để sử dụng. Đến 16 giờ 20 phút, thì cả nhóm bị Công an thành phố G kiểm tra và bắt quả tang Nguyễn Phước S và Lê Văn C thừa nhận hành

vi Tàng trữ trái phép chất ma túy và thu giữ 03 bịch nylon được hàn kín trong đó 01*(Một)* bịch nylon có kích thước 05 x 8,5 cm; 01 *(Một)* bịch nylon có kích thước 2,5 x 05 cm; 01 *(Một)* bịch nylon có kích thước 03 x 4,5 cm; 01 *(Một)* ống thủy tinh dùng để sử dụng ma túy.

*** Tại bản Kết luận giám định số:** 56/KL-KTHS ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang kết luận: Các hạt tinh thể rắn màu trắng chứa trong 03 *(Ba)* bịch nylon được niêm phong gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 3,8527 gam. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 323, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính Phủ.

*** Tại bản cáo trạng số:** 59/CT-VKSTPRG ngày 01 tháng 4 năm 2019, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Phước S và Lê Vă C về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với Phan Thành Long qua lời khai không thừa nhận đã hùn tiền mua ma túy với Nguyễn Phước S và cũng không có chứng cứ chứng minh nên chưa đủ căn cứ khởi tố đối vói Phan Thành L. Còn Lâm Tấn M hiện nay chưa xác định tên thật, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố G tiếp tục xác minh điều tra làm rõ, khi có đủ chứng cứ sẽ xử lý sau.

Riêng Lê Như T, Lê Văn B và Nguyễn Hữu Đ có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố G chuyển về địa phương xử phạt hành chính theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, Các bị cáo hoàn toàn thống nhất với kết quả giám định về chất ma túy của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang; đồng thời thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo phù hợp với bản kết luận điều tra của Cơ quan điều tra Công an thành phố G và bản cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố G.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Nguyễn Phước S từ 01 *(Một)* năm 06 *(Sáu)* tháng đến 02 *(Hai)* năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa

đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt Lê Văn C từ 01 *(Một)* năm đến 01 *(Một)* năm 06 *(Sáu)* tháng tù.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự; Tịch thu, tiêu hủy 01 phong bì niêm phong mẫu vật, vụ số 56 ngày 19/12/2018 có chữ ký của giám định viên Thái Thị Thanh Thủy, người chứng kiến Trần Hà Trung; 01 *(Một)* ống thủy tinh dùng để sử dụng ma túy.

*** Lời nói sau cùng của các bị cáo:** Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, bản thân các bị cáo biết ăn năn, hối cải, biết sai trước pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sửa đổi bản thân, sớm trở về gia đình để làm người công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Do các bị cáo Nguyễn Phước S và Lê Văn C có nhu cầu sử dụng ma túy. Vào khoảng 22 giờ ngày 09/12/2018 S và C đã hùn tiền mua ma túy của người tên Hậu B (Chưa rõ họ tên và địa chỉ) ở khu vực cầu Nguyễn Văn Cừ, phường Vĩnh Hiệp, thành phố G 01 *(Một)* bịch ma túy với giá 3.000.000 đồng. Sau khi mua được ma túy S mang về nhà đến 07 giờ ngày 10/12/2018S mang số ma túy đã mua đến phòng số 201 nhà nghỉ Hoàng Phương Anh ở số 82 đường Tôn Thất Tùng, phường Vĩnh Lạc, thành phố G đưa cho C rồi ra về. Đến 14 giờ cùng ngày, S quay lại phòng số 201 để cùng sử dụng ma túy với C cùng những người bạn. Đến 16 giờ 20 phút cùng ngày thì bị Công an thành phố G khám xét và bắt qua tang.

Theo các kết luận giám định của Phòng Khoa học kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Kiên Giang 03 *(Ba)* bịch nylon được niêm phong gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 3,8527 gam. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 323, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính Phủ. Tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015 quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại các điều 248, 250, 251 và 252 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam;

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

d) Lá cây côca; lá khát (lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 10 kilôgam;

đ) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 05 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;

e) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 10 kilôgam;

g) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 01 gam đến dưới 20 gam;

h) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 10 mililít đến dưới 100 mililít;

i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn PhướcS và Lê Văn C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như viện dẫn trên.

[3] Về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo: Xét thấy các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là hành vi vi phạm pháp luật, trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất về ma túy; các bị cáo nhận thức rõ tác hại của việc sử dụng ma túy là gây tổn hại đến thể chất, tinh thần của con người, nó cũng là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm khác, ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an trong khu vực, bị cáo vẫn cố ý tàng trữ trái phép chất ma túy. Mặc khác, bị cáo S đã từng bị xử phạt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục vi phạm. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, do đó sau khi nghị án Hội đồng xét xử thống nhất xử phạt các bị cáo bằng mức án tương xứng bằng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục các bị cáo, đồng thời cũng nhằm tuyên truyền, phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo Lê Văn C không có tình tiết tăng nặng.

- Bị cáo Nguyễn Phước S đã bị Tòa án nhân dân thành phố G xử phạt 05 năm tù chưa được xóa án tích nhưng bị cáo còn tái phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; do đó bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Qua xem xét, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo C chưa có tiền án tiền sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử phạt bị cáo mức án thấp của khung hình phạt cũng đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt, sống có ích cho xã hội và cũng nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội biết ăn năn, hối cải. Riêng đối với bị cáo Nguyễn PhướcS đã tùng bị Tòa án thành phố G xử phạt về tội Mua bán trái phép chất ma túy chưa được xóa án tích lại tái phạm, bị cáo là người rũ rê bị cáo C sử dụng trái phép chất ma túy nên cần xử phạt bị cáo với mức án vừa của khung hình phạt để có thời gian cải tạo giáo dục bị cáo.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Về biện pháp tư pháp: Tịch thu, tiêu hủy 01 phong bì niêm phong mẫu vật, vụ số 56 ngày 19/12/2018 có chữ ký của giám định viên Thái Thị Thanh Thủy, người chứng kiến Trần Hà Trung; 01 *(Một)* ống thủy tinh dùng để sử dụng ma túy.

[7] Về án phí: Các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố:

Bị cáo **Nguyễn Phước S** phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Xử phạt bị cáo **Nguyễn PhướcS 01 *(Một)* năm 06 *(Sáu)* tháng tù**, thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giữ (Ngày 10/12/2018).

Căn cứ theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố:

Bị cáo **Lê Văn C** phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Xử phạt bị cáo **Lê Văn C 01 *(Một)* năm tù**, thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giữ (Ngày 10/12/2018).

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 và 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy 01 phong bì niêm phong mẫu vật, vụ số 56 ngày 19/12/2018 có chữ ký của giám định viên Thái Thị Thanh Thủy, người chứng kiến Trần Hà Trung; 01 *(Một)* ống thủy tinh dùng để sử dụng ma túy.

Số vật chứng trên hiện do Chi cục thi hành án dân sự thành phố G quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 34/QĐ-VKSTPRG ngày 01/4/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; buộc các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03/5/2019).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. G;
- Chi cục THA dân sự Tp. G;
- Công An Tp. G;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo;
- Bị hại
- Lưu .

Huỳnh Thị Thùy Linh